

Đề chính thức

(Đề có 01 trang)

Câu I. (4.0 điểm)

1. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất. Cho biết thời gian chiếu sáng và góc chiếu sáng tại chí tuyến Bắc vào mùa hạ, mùa thu.

2. So sánh và giải thích sự khác nhau của biên độ nhiệt độ năm giữa kiểu khí hậu ôn đới lục địa với kiểu khí hậu ôn đới hải dương.

3. Biết nhiệt độ tại chân núi sườn đón gió là 24°C , sườn khuất gió là 40°C . Tính độ cao của núi và nhiệt độ tại đỉnh núi.

Câu II. (7.0 điểm)

1. Tại sao bảo vệ một hòn đảo dù nhỏ ở nước ta nhưng nó có ý nghĩa vô cùng to lớn?

2. Phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lý đối với tự nhiên nước ta.

3. So sánh sự khác nhau về khí hậu, sinh vật, đất ở đai nhiệt đới gió mùa với đai ôn đới gió mùa trên núi của nước ta và giải thích.

Câu III. (2.0 điểm)

Cho bảng số liệu: **Nhiệt độ lượng mưa ở địa điểm A trên Trái Đất**

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$)	9	11	13	15	19	21	23	20	17	15	12	11
Lượng mưa (mm)	120	100	80	60	40	30	10	15	30	90	110	100

Xác định địa điểm A thuộc đới hậu nào? Tại sao ?

Câu IV. (4.0 điểm)

Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:

1. So sánh điểm khác nhau chế độ mưa ở trạm khí hậu Hoàng Sa với trạm khí hậu Trường Sa.

2. Trình bày thời gian ảnh hưởng của bão trên lãnh thổ nước ta và giải thích.

3. Phân tích khó khăn của tự nhiên miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ đối với sự phát triển kinh tế xã hội.

Câu V. (3.0 điểm)

Cho bảng số liệu: **DIỆN TÍCH RỪNG CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1983 - 2020**

Đơn vị: Triệu ha

Năm	1983	2005	2009	2020
Loại rừng				
Rừng tự nhiên	6,8	10,2	10,3	10,3
Rừng trồng	0,4	2,5	2,9	4,4

1. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng tổng diện tích rừng, diện tích rừng các loại của nước ta giai đoạn 1983 - 2020.

2. Nhận xét và giải thích.

Hết

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
Câu I (4.0)	1	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất. Cho biết thời gian chiếu sáng và góc chiếu sáng tại chí tuyến Bắc vào mùa hạ, mùa thu.	(2,0)
		* Nhân tố ảnh hưởng đến sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất: - Góc nhập xạ của Mặt Trời: Góc nhập xạ lớn nhiệt thu được lớn, góc nhập xạ nhỏ nhiệt thu được ít. - Độ cao/hướng sườn địa hình: Địa hình cao nhiệt độ giảm dần; sườn đón nắng, sườn thoải nhiệt độ cao; còn sườn khuất nắng, dốc nhiệt độ thấp. - Lục địa, đại dương: Ở lục địa quá trình hấp thụ nhiệt nhanh, nhiệt độ cao hơn so với đại dương....	1,0
		* Thời gian chiếu sáng và góc chiếu sáng tại chí tuyến Bắc vào mùa hạ, mùa thu: - Mùa hạ nửa cầu Bắc nghiêng về phía Mặt Trời nên tại chí tuyến Bắc góc chiếu sáng lớn, thời gian chiếu sáng dài => ngày dài hơn đêm. - Mùa thu nửa cầu Bắc chệch xa Mặt Trời nên tại chí tuyến Bắc góc chiếu sáng bé, thời gian chiếu sáng ngắn => ngày ngắn hơn đêm.	0,5 0,5
	2	So sánh và giải thích sự khác nhau của biên độ nhiệt độ năm giữa kiểu khí hậu ôn đới lục địa với kiểu khí hậu ôn đới hải dương.	(1,0)
		- Kiểu khí hậu ôn đới lục địa có biên độ nhiệt năm lớn do có sự chênh lệch nhiệt độ tháng cao nhất với thấp nhất lớn (cùng ở vùng ôn đới thì nhiệt độ cao nhất và thấp nhất đều ở lục địa) - Kiểu khí hậu ôn đới hải dương có biên độ nhiệt năm nhỏ hơn do có sự chênh lệch nhiệt độ tháng cao nhất với thấp nhất bé hơn do chịu ảnh hưởng của biển đối với nhiệt độ (bề mặt đại dương thu nhiệt chậm, tỏa nhiệt cũng chậm)	05 0,5
	3	Biết nhiệt độ tại chân núi sườn đón gió là 24⁰C, sườn khuất gió là 40⁰C. Tính độ cao của núi và nhiệt độ tại đỉnh núi.	(1,0)
		- Theo gradien khí áp: Lên cao 100m tại sườn đón gió nhiệt giảm 0,6⁰C xuống 100m tại sườn khuất gió nhiệt tăng 1⁰C => Núi cao 100m thì chênh lệch nhiệt 2 sườn là 0,4 ⁰C. - Theo bài ra: ta thấy sự chênh lệch nhiệt độ 2 sườn là 16⁰C => núi cao là: $16 \times 100 : 0,4 = 4000\text{m}$ - Nhiệt độ tại đỉnh núi là: $24 - (4000:100 \times 0,6) = 0^{\circ}\text{C}$	0,5 0,5
Câu II (7.0)	1	Tại sao bảo vệ một hòn đảo dù nhỏ ở nước ta nhưng nó có ý nghĩa vô cùng to lớn?	(1,5)
		- Chính là bảo vệ độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ - Là cơ sở để tiến ra đại dương - Là tuyến tiền tiêu bảo vệ lấy đất liền	0,25 0,25 0,25

		- Là nơi cho tàu thuyền trú ngụ - Là nơi để phát triển kinh tế biển - Có thềm lục địa rộng lớn, giàu tài nguyên...	0,25 0,25 0,25												
	2	Phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với tự nhiên nước ta. * Thuận lợi: - Do nằm trong khu vực nội chí tuyến, khu vực hoạt động của gió mùa => Thiên nhiên nước ta mang đặc điểm thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa. - Nằm tiếp giáp với biển=> thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển, biển cung cấp hơi ẩm, gây mưa; điều hòa khí hậu, sinh vật biển phong phú. - Nằm trên đường di cư các loài sinh vật => sinh vật đa dạng. - Nằm trên vành đai sinh khoáng=> giàu khoáng sản. - Nằm trên nhiều vĩ độ địa lí (15⁰ VT) => thiên nhiên có sự phân hóa Bắc Nam.... * Khó khăn: - Thiên tai: Bão, lũ lụt, hạn hán...	(3,0) 0,5 0,5 0,5 0,5 0,5 0,5												
	3	So sánh sự khác nhau về khí hậu, sinh vật, đất ở đai nhiệt đới gió mùa với đai ôn đới gió mùa trên núi của nước ta và giải thích.	(2,5)												
		Sự khác nhau: <table><tr><th>Đai cao</th><th>Nhiệt đới gió mùa</th><th>Ôn đới gió mùa</th></tr><tr><td>Khí hậu</td><td>Nhiệt đới: mùa hạ nóng (nhiệt độ trung bình trên 25⁰C). Độ ẩm thay đổi tùy nơi. Biên độ nhiệt thấp.</td><td>Ôn đới: Quanh năm nhiệt độ dưới 15⁰C, mùa đông xuống dưới 5⁰C.</td></tr><tr><td>Sinh vật</td><td>Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh, rừng thường xanh, rừng nứa rụng lá, rừng thưa nhiệt đới khô, xa van...</td><td>Thực vật ôn đới: đỗ quyên, thiết sam, lãnh sam.</td></tr><tr><td>Đất</td><td>Đất phi sa, đất pheralit</td><td>Đất mùn thô</td></tr></table> Giải thích Ở các độ cao khác nhau => nhiệt độ, lượng mưa, độ ẩm khác nhau => hình thành các đai khí hậu khác nhau => khí hậu chi phối sự hình thành đất, sự sinh trưởng, phát triển của sinh vật => đất, sinh vật khác nhau.	Đai cao	Nhiệt đới gió mùa	Ôn đới gió mùa	Khí hậu	Nhiệt đới: mùa hạ nóng (nhiệt độ trung bình trên 25 ⁰ C). Độ ẩm thay đổi tùy nơi. Biên độ nhiệt thấp.	Ôn đới: Quanh năm nhiệt độ dưới 15 ⁰ C, mùa đông xuống dưới 5 ⁰ C.	Sinh vật	Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh, rừng thường xanh, rừng nứa rụng lá, rừng thưa nhiệt đới khô, xa van...	Thực vật ôn đới: đỗ quyên, thiết sam, lãnh sam.	Đất	Đất phi sa, đất pheralit	Đất mùn thô	0,5 0,5 0,5 1,0
Đai cao	Nhiệt đới gió mùa	Ôn đới gió mùa													
Khí hậu	Nhiệt đới: mùa hạ nóng (nhiệt độ trung bình trên 25 ⁰ C). Độ ẩm thay đổi tùy nơi. Biên độ nhiệt thấp.	Ôn đới: Quanh năm nhiệt độ dưới 15 ⁰ C, mùa đông xuống dưới 5 ⁰ C.													
Sinh vật	Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh, rừng thường xanh, rừng nứa rụng lá, rừng thưa nhiệt đới khô, xa van...	Thực vật ôn đới: đỗ quyên, thiết sam, lãnh sam.													
Đất	Đất phi sa, đất pheralit	Đất mùn thô													
III (2,0)		Cho bảng số liệu: Nhiệt độ lượng mưa ở địa điểm A trên Trái Đất	(2,0)												
		Xác định địa điểm A thuộc đới hậu nào? Tại sao ? Thuộc đới khí hậu cận nhiệt (kiểu khí hậu cận nhiệt Địa Trung Hải Vì : - Nhiệt độ tháng thấp nhất là tháng 1 : 9⁰C, nhiệt độ tháng cao nhất là tháng 7 : 23⁰C; biên độ nhiệt độ năm 14⁰C. - Lượng mưa trung bình: 785 mm/ năm...mưa tập trung chủ yếu vào mùa đông (từ tháng 11 đến tháng 2 năm sau).	1,0 0,5 0,5												
IV (4,0)		Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:	(4,0)												
	1	So sánh điểm khác nhau chế độ mưa ở trạm khí hậu Hoàng Sa với trạm khí hậu Trường Sa.	(2,0)												

		- Tổng lượng mưa ở Hoàng Sa ít hơn Trường Sa (dẫn chứng) - Tháng mưa cực đại, tháng mưa cực tiểu khác nhau (dẫn chứng) - Mùa mưa ở Hoàng Sa ngắn hơn (tháng 5-11), Trường Sa dài hơn (tháng 5-12) - Mưa ở Hoàng Sa do ảnh hưởng của gió Tín phong bán cầu Bắc, hội tụ nhiệt đới, bão, gió mùa đông bắc, gió Tín phong nam bán cầu.... - Mưa ở Trường Sa chủ yếu do gió mùa Tây nam (gió tín phong nam bán cầu) bão, áp thấp nhiệt đới....	0,5 0,5 0,5 0,25 0,25																				
	2	Trình bày thời gian ảnh hưởng của bão trên lãnh thổ nước ta và giải thích.	(1,0)																				
		- Miền Bắc mùa bão sớm hơn (tháng 6,7,8); miền Trung (tháng 9,10); miền Nam bão chậm hơn (tháng 11, 12). - Nguyên nhân: Do sự dịch chuyển của giải hội tụ nhiệt đới, áp thấp nhiệt đới trên Biển Đông và Thái Bình Dương; anhe hưởng của khối khí mùa đông....	0,5 0,5																				
	3	Phân tích khó khăn của tự nhiên miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ đối với sự phát triển kinh tế xã hội.	(1,0)																				
		- Khu vực núi địa hình dốc bị chia cắt mạnh; hiện tượng lũ quét, sạt lở đất xảy ra trong mùa mưa... - Đồng bằng ven biển chịu ảnh hưởng lớn của bão, cát bay, gió fơn khô nóng, lũ lụt, đất cát pha kém màu mỡ.	0,5 0,5																				
V		Cho bảng số liệu: DIỆN TÍCH RỪNG CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1983 - 2020 <i>Đơn vị: Triệu ha</i>	(3,0)																				
		Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng tổng diện tích rừng, diện tích rừng các loại của nước ta giai đoạn 1983 - 2020.	1,0																				
		* Tính tốc độ tăng trưởng (%)<table><tr><th>Năm</th><th>1983</th><th>2005</th><th>2009</th><th>2020</th></tr><tr><td>Rừng tự nhiên</td><td>100</td><td>150</td><td>151.5</td><td>151.5</td></tr><tr><td>Rừng trồng</td><td>100</td><td>626</td><td>725</td><td>1100</td></tr><tr><td>Tổng diện tích</td><td>100</td><td>176.4</td><td>183.3</td><td>204.2</td></tr></table> Vẽ biểu đồ đường (yêu cầu: chính xác, khoa học, thẩm mỹ, điền đầy đủ các thông số, có tên biểu đồ, có chú giải...)	Năm	1983	2005	2009	2020	Rừng tự nhiên	100	150	151.5	151.5	Rừng trồng	100	626	725	1100	Tổng diện tích	100	176.4	183.3	204.2	
Năm	1983	2005	2009	2020																			
Rừng tự nhiên	100	150	151.5	151.5																			
Rừng trồng	100	626	725	1100																			
Tổng diện tích	100	176.4	183.3	204.2																			
		Nhận xét - Tổng diện tích rừng, diện tích rừng tự nhiên, rừng trồng tăng (d/c) - Tốc độ tăng trưởng khác nhau, rừng trồng tăng nhanh hơn (d/c) Giải thích - Diện tích rừng tăng (do chính sách đóng cửa rừng, bảo vệ rừng tốt hơn, ý thức của người dân nâng cao, thực hiện các dự án trồng rừng, giao đất giao rừng....) => từ đó tốc độ diện tích rừng tăng. - Rừng trồng có tốc độ tăng nhanh do thực hiện tốt các dự án trồng rừng của chính phủ, đẩy mạnh phát triển rừng sản xuất....	0,5 0,5 0,5 0,5																				
Tổng			20,0																				